TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH LỢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **76**/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản
và hợp đồng mượn tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoài Tân

2. Bà Lê Ngọc Kiệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 180/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY. Trụ sở: A N, Phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Kiều D. Cùng địa chỉ: Số A Đường T, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Kim Q. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Nguyễn Thị Kiều D xin vắng mặt; anh Nguyễn Hữu T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Vào ngày 27/6/2023, anh T có ký kết với Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY (sau đây gọi là Công ty) Hợp đồng cầm cố số B7M230601030NA18X và phụ lục hợp đồng cầm cố, loại hợp đồng cầm cố tài sản, có nội dung cụ thể như sau: Anh T cầm

cố cho Công ty A xe gắn máy biển kiểm soát 94K1-668.45, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 26/02/2018 cho anh Nguyễn Hữu T; giá cầm cố là 12.100.000 đồng; thời hạn cầm cố 12 tháng, kể từ ngày 27/6/2023 đến ngày 27/6/2024; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn cố định là 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày hợp đồng và nhận tiền; lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phương thức thanh toán: Hàng tháng từ tháng 7/2023 bằng việc nộp tiền trực tiếp tại chi nhánh hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty. Anh T có giao cho Công ty giữ bản chính chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 94000513 do anh T đứng tên. Công ty đã giao đủ số tiền cầm cố cho anh T vào ngày 27/6/2023.

Đồng thời, cùng vào ngày 27/6/2023, anh T có ký kết với Công ty giấy mượn xe để anh T mượn lại chiếc xe gắn máy đã cầm cố cho Công ty làm phương tiện đi lại; thời hạn mượn xe là 30 ngày, từ ngày 27/6/2023 đến ngày 27/6/2024; anh T phải trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn cho Công ty hàng tháng là 242.000 đồng; anh T được thanh toán trễ trong vòng 05 ngày tính từ ngày thanh toán hàng tháng. Trường hợp anh T thanh toán trễ hạn cho Công ty thì anh T trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe 363.000 đồng/tháng.

Từ khi cầm cố xe và mượn xe, anh T đã thanh toán cho Công ty được 8.636.000 đồng. Từ ngày 27/12/2023 đến nay, anh T không có thanh toán theo thỏa thuận cho Công ty tiền cầm cố xe, tiền lãi suất trong hạn và phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn. Hiện nay, anh T đang quản lý chiếc xe gắn máy đã cầm cho Công ty. Mặc dù, Công ty đã nhiều lần liên hệ đến anh T đôn đốc và yêu cầu anh T trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố nhưng anh T không thực hiện, cố tình trốn tránh.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2024, Công ty yêu cầu anh T trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K1-668.45, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 26/02/2018 cho anh Nguyễn Hữu T; Trường hợp anh T không trả lại xe theo giấy mượn xe thì phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2024 là 11.946.779 đồng, gồm tiền gốc 6.993.603 đồng, tiền lãi trong hạn 423.113 đồng, tiền lãi quá hạn 211.556 đồng, tiền quản lý hồ sơ 192.324 đồng, phí trả chậm: 609.641 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 559.488 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe 1.996.500 đồng, phí tố tụng 960.554 đồng. Ngoài ra, anh T phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô kiểm soát 94K1-668.45, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 26/02/2018 cho anh Nguyễn Hữu T, phí quản lý hồ sơ 192.324 đồng, phí trả chậm 609.641 đồng, phí tố tụng: 960.554 đồng, tiền lãi quá hạn 211.556 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố.

Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY yêu cầu Tòa án buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 11.644.436 đồng, trong đó gồm tiền gốc 6.993.603 đồng, lãi trong hạn 715.445 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 559.488 đồng và phí hao mòn và mượn xe 3.375.900

đồng và tiền lãi tiếp theo, kể từ sau ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh T không đến Tòa án làm việc hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Kim Q: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng chị Q không đến Tòa án làm việc hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Q chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua phân tích, đánh giá tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu anh T trả lại chiếc xe mô tô kiểm soát 94K1-668.45, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 26/02/2018 cho anh Nguyễn Hữu T, phí quản lý hồ sơ 192.324 đồng, phí trả chậm 609.641 đồng, phí tố tụng: 960.554 đồng, tiền lãi quá hạn 211.556 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu anh T thanh toán còn nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 11.644.436 đồng, trong đó gồm tiền gốc 6.993.603 đồng, lãi trong hạn 715.445 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 559.488 đồng và phí hao mòn và mượn xe 3.375.900 đồng và tiền lãi tiếp theo, kể từ sau ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY khởi kiện yêu cầu anh T thanh toán số tiền cầm cố tài sản và mượn tài sản còn nợ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản mà mượn tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện nay, anh T đang cư trú tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh T và người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan chị Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Đại diện theo ủy quyền của Công ty yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là: Yêu cầu trả lại chiếc xe mô tô kiểm soát 94K1-668.45, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 26/02/2018 cho anh Nguyễn Hữu T, phí quản lý hồ sơ 192.324 đồng, phí trả chậm 609.641 đồng, phí tố tụng: 960.554 đồng, tiền lãi quá hạn 211.556 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, căn cứ vào Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh T, chị Q không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY yêu cầu Tòa án buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 11.644.436 đồng và tiền lãi tiếp theo, kể từ sau ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đề ngày 26/7/2023 giữa Công ty với anh T. Xét thấy, anh T đã tự nguyên thỏa thuận giao kết và ký kết hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe với Công ty nên có căn cứ xác định giữa Công ty với anh T có giao dịch cầm cố tài sản và mượn tài sản với nhau đối với chiếc xe mô tô kiểm soát 94K1-668.45, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future là phù hợp với khoản 1 Điều 275, Điều 309, khoản 3 Điều 314, Điều 494 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T đã vi phạm thanh toán nên Công ty yêu cầu anh T thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 11.644.436 đồng, trong đó gồm tiền gốc 6.993.603 đồng, lãi trong hạn 715.445 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 559.488 đồng và phí hao mòn và mượn xe 3.375.900 đồng và tiền lãi tiếp theo kể từ sau ngày 30/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp với định tại các Điều 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY được chấp nhận nên anh T phải chịu 5% trên tổng số tiền 11.644.436 đồng, bằng số tiền 582.222 đồng. Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY không phải nộp án phí sơ thẩm.

[6] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 309, 310, 311, 314, 357, 463, 468 và 494 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY về việc yêu cầu anh Nguyễn Hữu T: Trả lại chiếc xe mô tô kiểm soát 94K1-668.45, nhãn hiệu: Honda, số loại: Future do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 26/02/2018 cho anh Nguyễn Hữu T, phí quản lý hồ sơ 192.324 đồng, phí trả chậm 609.641 đồng, phí tố tụng: 960.554 đồng, tiền lãi quá hạn 211.556 đồng và yêu cầu kê biên, xử lý tài sản cầm cố.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY về việc yêu cầu anh Nguyễn Hữu T thanh toán tổng số tiền 11.644.436 đồng (mười một triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng), trong đó, gồm tiền gốc 6.993.603 đồng (sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm lẻ ba đồng), lãi trong hạn 715.445 đồng (bảy trăm mười lăm nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 559.488 đồng (năm trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) và phí hao mòn và mượn xe 3.375.900 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

Buộc anh Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY thanh toán tổng số tiền 11.644.436 đồng (mười một triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng), trong đó, gồm tiền gốc 6.993.603 đồng (sáu triệu chín trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm lẻ ba đồng), lãi trong hạn 715.445 đồng (bảy trăm mười lăm nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 559.488 đồng (năm trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng) và phí hao mòn và mượn xe 3.375.900 đồng (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/9/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), anh Nguyễn Hữu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận Hợp đồng cầm cố số B7M230601030NA18X ngày 27/6/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh Nguyễn Hữu T phải nộp 582.222 đồng (năm trăm tám mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty Cổ phần S TIỀN CÓ NGAY không phải nộp án phí sơ thẩm có giá ngạch, đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004200 ngày 02/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

Nguyễn Duy Khanh